

Số: 196/QĐ-TVD

Phủ Ninh, ngày 26 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về ban hành Quy chế thực hiện công khai của nhà trường
Năm học 2024-2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

Căn cứ Quyết định số 47/QĐ -UB ngày 1 tháng 9 năm 2000 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc thành lập trường THPT Trần Văn Dư;

Căn cứ thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Bộ giáo dục đào tạo ban hành kèm theo điều lệ trường trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học.

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ giáo dục đào tạo ban hành quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay ban hành Quy chế thực hiện công khai của Trường THPT Trần Văn Dư. (Có văn bản đính kèm)

Điều 2. Quy chế này được áp dụng cho các hoạt động công khai của nhà trường theo đúng theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ giáo dục đào tạo.

Điều 3. Cán bộ, giáo viên, nhân viên trường THPT Trần Văn Dư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phan Thị Mỹ Thanh

QUY CHẾ

Thực hiện công khai đối với THPT Trần Văn Dư

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TVD ngày tháng 9 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường THPT Trần Văn Dư)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về thực hiện công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ giáo dục đào tạo ban hành quy chế công khai đối với Trường THPT Trần Văn Dư.

Điều 2. Mục tiêu thực hiện công khai

1. Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục và điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của đơn vị và xã hội tham gia giám sát và đánh giá cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công khai

1. Việc thực hiện công khai của nhà trường phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định trong Quy chế này.

2. Thông tin được công khai tại các phiên họp và trên bản tin, bảng thông báo theo quy định trong Quy chế này phải chính xác, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

Chương II

THỰC HIỆN CÔNG KHAI

Điều 4: Nội dung công khai

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường hàng năm, chương trình giáo dục, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu

cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học.

b) Chất lượng giáo dục thực tế: số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình cấp THPT.

c) Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia: kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục: kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường:

a) Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp.

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo.

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung của nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

b) Mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học.

c) Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

Điều 5. Hình thức và thời điểm công khai

1. Đối với các nội dung quy định tại Điều 4 của Quy chế này:

a) Công khai trong các phiên họp đơn vị vào tháng 6 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

b) Niêm yết công khai tại bảng thông báo đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét. Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học (tháng 9) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

Bất cứ lúc nào khi nhà trường hoạt động, cha mẹ học sinh và những người quan tâm đều có thể tiếp cận các thông tin trên. Để chuẩn bị cho năm học mới, nhà trường có thể cung cấp thêm các thông tin liên quan khác để cha mẹ học sinh nắm rõ và phối hợp thực hiện.

2. Đối với nội dung quy định tại khoản 1 Điều 4 của Quy chế này, nhà trường thực hiện công khai như sau:

a) Đối với học sinh tuyển mới: phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh hoặc trang web của trường kế hoạch tuyển sinh kết hợp công khai tuyển sinh tại bản tin nhà trường trước khi thực hiện tuyển sinh.

b) Đối với học sinh đang học tại nhà trường: phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

2. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Nam.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường.

4. Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

a) Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

b) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

c) Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Điều 7. Trách nhiệm của Ban Thanh tra nhân dân, các tổ chức bộ phận trong nhà trường

1. Ban Thanh tra nhân dân:

a) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà; Việc kiểm tra có sự tham gia của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

b) Thông báo bằng văn bản kết quả kiểm tra cho Hiệu trưởng. Thời điểm thông báo không quá 15 ngày sau khi thực hiện kiểm tra.

2. Các tổ chức, bộ phận trong nhà trường:

Tổ chức thực hiện công khai lĩnh vực phụ trách (theo Điều 4 của Quy chế này).

Tạo điều kiện tốt nhất để Ban Thanh tra nhân dân giám sát./.

SỞ GD-ĐT QUẢNG NAM
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

Biểu mẫu 09

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phú Ninh, ngày 26 tháng 9 năm 2024

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường THPT Trần Văn Dư
Năm học 2024 – 2025**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Học sinh hoàn thành chương trình THCS. Có đầy đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ, có tên trong danh sách trúng tuyển của Sở GD-ĐT Quảng Nam.		
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Thực hiện chương trình 35 tuần theo Quy định của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo và chương trình GD 2018 đối với cả 3 khối. - Đảm bảo dạy đủ các môn học theo quy định.		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Nhà trường tổ chức giảng dạy và giáo dục học sinh theo qui định của Bộ GD & ĐT. - Gia đình quản lý việc học và làm bài ở nhà của học sinh; thường xuyên kết hợp chặt chẽ với nhà trường. - Học sinh chuẩn bị và làm bài đầy đủ, chủ động tích cực trong học tập.		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Tổ chức các hoạt động và phong trào thi đua học tốt. - Tổ chức các phong trào giáo dục truyền thống, đạo đức, pháp luật và phòng chống các tệ nạn xã hội, phòng chống bệnh tật. - Tổ chức các hoạt động rèn luyện kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh		
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Không có học sinh vi phạm pháp luật. - Hạnh kiểm khá tốt đạt 95% trở lên. - Học sinh lên lớp thẳng 95% - Học sinh tốt nghiệp THPT bằng hoặc cao hơn mặt bằng toàn tỉnh - 100% học sinh có đủ sức khỏe để tham gia học tập.		
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Học sinh đỗ vào ĐH-CD $\geq 80\%$ ở các nguyện vọng.		



Thủ trưởng đơn vị

Phan Thị Mỹ Thanh

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường
THPT Trần Văn Dư - Năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	724	258	251	215
1	Tốt	682	232	237	213
2	Khá	42	26	14	2
3	Trung bình (Đạt)	0	0	0	0
4	Yếu (Chưa đạt)	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	724	258	251	215
1	Xuất sắc (Tốt)	15	0	15	
2	Giỏi (Tốt)	159	37	58	64
3	Khá	343	102	112	129
4	Trung bình (Đạt)	197	110	65	22
5	Yếu (Chưa Đạt)	10	9	1	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp	721	256	250	215
a	Học sinh xuất sắc	15		15	
b	Học sinh giỏi	159	37	58	64
2	Học sinh tiên tiến	343	102	112	129
3	Thì lại	10	9	1	0
4	Lưu ban	3	2	1	0
5	Chuyển trường đến/đi	5	1	3(1/2)	1
6	Bị đuổi học		0	0	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	3	1	0	2
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	9	0	1	8
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/thành phố	9	0	1	8
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	215	0	0	215
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	214	0	0	214
1	Giỏi				Không xếp loại
2	Khá				
3	Trung bình				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng	172	0	0	172
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	416/724	145/258	139/251	132/215
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	8	3	2	3



Thư trưởng đơn vị

Phan Thị Mỹ Thanh

Phú Ninh, ngày 26 tháng 9 năm 2024

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
Trường THPT Trần Văn Dư năm học 2024 – 2025**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	53		1	46	1	2		46	1		45			
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	42			42				41	1		42			
1	Toán	7			7				7			7			
2	Lý	7			7				7			7			
3	Hóa	5			5				5			5			
4	Văn	5			5				5			5			
	Sử	3			3				3			3			
	Địa	1			1				1			1			
	Tiếng Anh	5			5				5			5			
	Mĩ thuật														
	Âm nhạc														
	Thể dục	3			3				3			3			
	Tin	3			3				2	1		3			
	Sinh học	3			3				3			4			
II	Cán bộ quản lý	3		1	2				3			3			
1	Hiệu trưởng	1		1					1			1			
2	Phó hiệu trưởng	2		2					2			2			

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	53		1	46	1	2		46	1		45			
III	Nhân viên	5			2	1	2		2			5			
1	Nhân viên văn thư	1					1					1			
2	Nhân viên kế toán	1			1				1			1			
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1					1			
5	Nhân viên thư viện	1			1				1			1			
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật														
8	Nhân viên công nghệ thông tin	1				1						1			
9	...														



Thủ trưởng đơn vị

Phan Thị Mỹ Thanh

Phủ Ninh, ngày 26 tháng 9 năm 2024

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường THPT Trần Văn Dư
năm 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	20	10 m ² /HS
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	18	
2	Phòng học bán kiên cố	2	
3	Phòng học tạm	3	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	5	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	1	
8	Bình quân học sinh/lớp	39	
III	Số điểm trường		
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	17.966,24	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1000	
VI	Tổng diện tích các phòng (m²)	8.400	
1	Diện tích phòng học (m ²)	6.800	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	1.600	
3	Diện tích thư viện (m ²)	400	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	100	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	174	87 bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	174	8,7 bộ/lớp
1.1	Khối lớp 10	174	0.63bộ/HS
1.2	Khối lớp 11	0	
1.3	Khối lớp 12	0	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	0
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	51	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	22	0,82
2	Cát xét	4	Dùng chung
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	Dùng chung
5	Bảng thông minh	1	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	20	1
2	Cát xét	4	Dùng chung
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Bảng thông minh	1	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0

XI	Nhà ăn	0				
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ		
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0		
XIII	Khu nội trú	0	0	0		
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Nam	Nữ	Chung	Nam, Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	2	2	400	0,6
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	
	Nội dung		Có		Không	
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh		x			
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x			
XVII	Kết nối internet		x			
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường		x			
XIX	Tường rào xây		x			

Thủ trưởng đơn vị



Phan Thị Mỹ Thanh